

Bản án số: 341/2017/KDTM-PT

Ngày: 04-4-2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ủ Thị Bạch Yến

Các Thẩm phán:

1. Bà Biện Thị Hoa

2. Bà Hà Thanh Thùy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà
Nguyễn Thị Ân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa .

Ngày 04/4/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2016/TLPT-KDTM ngày 15 tháng
11 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2016/KDTM-ST ngày 28/9/2016 của
Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2017/QĐPT-
KDTM ngày 14 tháng 2 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty P

Địa chỉ trụ sở chính: Phố L, phường L, quận T, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Thu T - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đặng Thành N** (theo Giấy ủy quyền
lập ngày 22-8-2016) (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty T

Địa chỉ trụ sở chính: đường T, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hữu T** - Tổng Giám đốc (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: đường T, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Đỗ Phú K** (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm đã thể hiện:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16-01-2016 và quá trình tố tụng nguyên đơn là Công ty P trình bày:

Ngày 20-11-2012, tại trụ sở Công ty P, Công ty T và Công ty P đã ký kết Hợp đồng mua bán số: 02.2012/TP-TT/THP. Theo đó, Công ty P bán cho Công ty T sản phẩm Cáp treo hạ thế CU/XLPE/PVC 0.6/1KV do Công ty P sản xuất với tổng giá trị của Hợp đồng là: 7.618.102.778 đồng (Bảy tỷ sáu trăm mười tám triệu một trăm lẻ hai nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng) - đã bao gồm 10% thuế VAT.

Trên cơ sở các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng, Công ty P đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán trong việc cung cấp, bàn giao toàn bộ hàng hóa, đúng số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm giao hàng cho Công ty T vào ngày 11-12-2012. Tuy nhiên, phía Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Công ty P.

Ngày 02-01-2013, Công ty P gửi công văn số 01/CV đến Công ty T đề nghị thanh toán tiền hàng. Trong đó nêu rõ: Tổng giá trị tiền hàng theo Hợp đồng là 7.618.102.778 đồng, Công ty T đã đặt cọc trước cho Công ty P số tiền là 380.905.140 đồng, vậy số tiền còn lại Công ty T phải thanh toán cho Công ty P là 7.237.197.638 đồng.

Ngày 05-01-2013, người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Nguyễn Hữu T đã gửi Công văn phúc đáp, xác nhận số nợ tiền hàng đối với Công ty P đúng theo Công văn 01/CV và xin thanh toán chậm tiền hàng với lý do Ngân hàng từ chối gia hạn mức tín dụng. Đồng thời, Công ty T cam kết sẽ thanh toán đủ cho Công ty P trong thời gian nhanh nhất và sẽ chịu lãi suất bằng lãi suất vay vốn lưu động của các Ngân hàng thương mại cổ phần cho phần chậm thanh toán.

Sau các lần thanh toán thì vào ngày 03-5-2013, Công ty T có văn bản xác nhận đối chiếu công nợ, tính đến ngày 03-5-2013, Công ty T còn nợ Công ty P số tiền là 5.064.940.823 đồng (Năm tỷ không trăm sáu mươi tư triệu chín trăm bốn mươi ngàn tám trăm hai mươi ba đồng). Ngày 09-5-2013, Công ty T có văn bản thông báo kế hoạch dự kiến thanh toán nợ gửi đến Công ty P cam kết sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ này chậm nhất là vào ngày 31-7-2013.

Tuy nhiên cho đến ngày 31-7-2013, Công ty T chỉ thanh toán được 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho Công ty P. Ngày 07-10-2013 giữa hai bên đã có buổi làm việc để giải quyết các vấn đề công nợ và theo biên bản làm việc, tính đến hết ngày 06-10-2013, Công ty T còn nợ Công ty P số tiền là

5.042.857.259 đồng (Năm tỷ không trăm bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi chín đồng), sau khi đã bù trừ tiền đầu kéo mà Công ty T bán cho Công ty P ngày 25-9-2013.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05-01-2015, Công ty T xác nhận còn nợ Công ty P số tiền là 5.011.273.848 (Năm tỷ không trăm mười một triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng), trong số tiền nợ này có 3.902.180.038 đồng là tiền nợ gốc và 1.109.093.810 đồng là tiền lãi chậm trả.

Suốt khoảng thời gian sau đó, Công ty T không một lần thanh toán nợ cho Công ty P. Cho đến ngày 04-01-2016, Công ty P phải mời đại diện Công ty T là ông Nguyễn Hữu T đến làm việc. Trong biên bản làm việc, ông T xác nhận Công ty T còn nợ Công ty P số tiền là 5.326.916.856 đồng tạm tính đến ngày 31-12-2015 và cam kết sẽ hợp tác thanh toán dần công nợ cho Công ty P hàng tháng bằng tiền mặt. Tuy nhiên, Công ty T đã không thanh toán nợ cho Công ty P như đã cam kết.

Công ty P yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và tiền lãi cho Công ty P với tổng số tiền là 5.326.916.856 đồng (Năm tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười sáu ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 3.902.180.038 đồng và tiền lãi là 1.424.736.818 đồng.

Về khoản tiền lãi: Công ty P chỉ yêu cầu Công ty T trả khoản tiền lãi đã nêu trên, trong đó có tiền lãi đã ký xác nhận trong biên bản thanh toán công nợ. Công ty P không yêu cầu Công ty T phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán và các khoản tiền lãi phát sinh nào khác.

Ngoài khoản tiền đã yêu cầu nêu trên, Công ty P không yêu cầu Công ty T phải trả thêm khoản tiền nào khác.

Công ty P yêu cầu Công ty T phải thanh toán một lần số tiền còn nợ nêu trên ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 07-7-2016 bị đơn là Công ty T do ông Nguyễn Hữu T là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty T do ông Nguyễn Hữu T là người đại diện theo pháp luật xác nhận có ký kết với Công ty P một Hợp đồng mua bán số: 02.2012/TP-TT/THP ngày 20-11-2012. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã nhận đủ hàng và thanh toán một phần tiền mua hàng, số nợ còn lại là 3.902.180.038 đồng (Ba tỷ chín trăm lẻ hai triệu một trăm tám mươi ngàn không trăm ba mươi tám đồng). Sau đó do kinh doanh thua lỗ liên tục, Công ty T đã đi đến mất khả năng chi trả và dẫn đến việc tồn đọng công nợ với Công ty P đến ngày hôm nay. Hiện nay Công ty T đã ngưng toàn bộ hoạt động được hơn 03 (Ba) năm và đang tiến hành các thủ tục xin tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty T thừa nhận khoản nợ còn tồn đọng với Công ty P và cam kết sẽ thanh toán nợ theo như vốn điều lệ đã đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4102054770 với thời hạn thanh toán là 05 (Năm) năm. Số nợ sẽ được chia và thanh toán trong thời gian là 05 năm kể từ ngày có bản án, quyết định của Tòa án nhân dân Quận 5.

Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2016/KDTM-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P số tiền là 5.326.916.856 đồng (Năm tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười sáu ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 3.902.180.038 đồng và nợ lãi là 1.424.736.818 đồng theo Hợp đồng mua bán số: 02.2012/TP-TT/THP ngày 20 tháng 11 năm 2012, Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 05 tháng 01 năm 2015 và Biên bản làm việc xác nhận nợ (Biên bản làm việc ba bên) ngày 04 tháng 01 năm 2016 đã được ký giữa Công ty P với Công ty T.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty P về việc Công ty P không yêu cầu Công ty T phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán kể từ khi hai bên làm việc xác nhận nợ cuối cùng cho đến ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (kể từ ngày 04-01-2016 cho đến ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

Ngoài ra, còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 11/10/2016, Công ty T kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn trình bày: Về khoản nợ gốc là xin được trả dần hàng tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, về khoản nợ lãi yêu cầu xem xét được miễn trả lãi.

- Bị đơn kháng cáo thống nhất với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn đã trình bày nêu trên.

- Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về hình thức:

Đơn kháng cáo của Bị đơn là Công ty T còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

2/ Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty T.

Xét thấy, bản án sơ thẩm đã căn cứ vào Hợp đồng mua bán số: 02.2012/TP-TT/THP ngày 20/11/2012 được ký kết giữa Công ty P và Công ty T có nội dung: Công ty P bán cho Công ty T hàng hóa là Cáp treo hạ thế Cu/XLPE/PVC 0,6/1KV, giá trị hợp đồng là 7.618.102.778 đồng (Bảy tỷ sáu trăm mười tám triệu một trăm lẻ hai nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng) - đã bao gồm 10% thuế VAT. Thực hiện nội dung hợp đồng, phía Công ty P đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán trong việc cung cấp, bàn giao toàn bộ hàng hóa, đúng số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm giao hàng cho Công ty T vào ngày 11/12/2012 như quy định trong hợp đồng. Công ty P cũng đã xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0001068, số 0001069 và số: 0001082 cho Công ty T; căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 05/01/2015 và biên bản làm việc xác nhận nợ (Biên bản làm việc ba bên) ngày 04/01/2016 thì tính đến ngày 31/12/2015 Công ty T còn nợ Công ty P số tiền là 5.326.916.856 đồng (Năm tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười sáu ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 3.902.180.038 đồng và tiền lãi là 1.424.736.818 đồng. Do Công ty T không thanh toán số tiền còn nợ này cho Công ty P như hai bên đã thỏa thuận và xác nhận. Do đó, bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của Công ty P đối với Công ty T.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, phía Công ty T thừa nhận toàn bộ các chứng cứ do Công ty P xuất trình như hợp đồng mua bán ngày 20/11/2012, các biên bản xác nhận nợ ngày 05/1/2015 và 04/1/2016 là có thật đã được Công ty T ký kết và các bên đã thực hiện hợp đồng; Công ty T không xuất trình chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của Công ty T. Mặt khác, yêu cầu kháng cáo của Công ty T xin được trả dần số nợ hàng tháng là 10.000.000 đồng đã không được Công ty P chấp nhận. Thời hạn thanh toán tiền mua hàng được quy định trong Điều 3 của hợp đồng là trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Công ty T nhận đủ hàng và các chứng từ hợp lệ, nghĩa vụ của Công ty P đã thực hiện xong nhưng Công ty T không thanh toán tiền trong thời hạn quy định. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã buộc Công ty T có trách nhiệm thanh toán tiền hàng

theo yêu cầu của Công ty P là có căn cứ, nghĩ nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về khoản tiền lãi: Công ty P tự nguyện không yêu cầu Công ty T phải trả khoản tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán kể từ khi hai bên làm việc xác nhận nợ cuối cùng cho đến ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (kể từ ngày 04-01-2016 cho đến ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật), sự tự nguyện này của Công ty P được bản án sơ thẩm ghi nhận, các bên không kháng cáo đối với việc ghi nhận này nên cấp phúc thẩm giữ nguyên.

Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự ;
- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn là Công ty T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P số tiền là 5.326.916.856 đồng (Năm tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười sáu ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 3.902.180.038 đồng và nợ lãi là 1.424.736.818 đồng theo Hợp đồng mua bán số: 02.2012/TP-TT/THP ngày 20 tháng 11 năm 2012, Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 05 tháng 01 năm 2015 và Biên bản làm việc xác nhận nợ (Biên bản làm việc ba bên) ngày 04 tháng 01 năm 2016 đã được ký giữa Công ty P với Công ty T. Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty P về việc Công ty P không yêu cầu Công ty T phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán kể từ khi hai bên làm việc xác nhận nợ cuối cùng cho đến ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (kể từ ngày 04-01-2016 cho đến ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty P nếu Công ty T không thanh toán khoản tiền nêu trên cho Công ty P thì hàng tháng Công ty T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trả cho Công ty P theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Công ty T phải chịu án phí sơ thẩm là 113.326.917 đồng (Một trăm mười ba triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm mười bảy đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.663.500 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2012/07018 ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty T phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2012/07695 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, nay không phải thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM ;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM ;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Ủ Thị Bạch Yến